

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDD

TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG 1 HỌC KỲ 1

MÃ HỌC PHẦN : PHY - 101

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	168211980	TRẦN TÂN	ANH	T16XDD1	10					7				4	6.0	Sầu	
2	168211981	VÔ VĂN	ÁNH	T16XDD1	10					2				4	4.7	Bầu pháp Baý	
3	168211982	NGUYỄN MINH	BIÊN	T16XDD1	7					4				6	5.7	Nằm pháp Baý	
4	168211983	HOÀNG THÁI	BÌNH	T16XDD1	10					4				7	6.9	Sầu pháp Chên	
5	168211984	NGUYỄN TẤT	CẦN	T16XDD1	10					5				6	6.6	Sầu pháp Sầu	
6	168211985	HUỲNH NGỌC	CHÍ	T16XDD1	10					4				6	6.3	Sầu pháp Ba	
7	168211986	NGUYỄN CHỈ	CÔNG	T16XDD1	10					4				4	5.2	Nằm pháp Hai	
8	168211987	PHẠM NGỌC	CÔNG	T16XDD1	10					5				5	6.0	Sầu	
9	168211988	LÊ QUỐC	CƯỜNG	T16XDD1	0					0				V	0.0	Khăng	
10	168211989	NGUYỄN CAO	CƯỜNG	T16XDD1	3.5					4				5	4.5	Bầu pháp Nằm	
11	168211990	NGUYỄN VĂN	DUNG	T16XDD1	7					5				5	5.4	Nằm pháp Bầu	
12	168211992	LÊ ĐẠI	HẢI	T16XDD1	0					0				V	0.0	Khăng	
13	168211993	PHẠM VIỆT	HẢI	T16XDD1	10					5				2	0.0	Khăng	
14	168211994	ĐOÀN CÔNG	HẢI	T16XDD1	3.5					4				6	5.0	Nằm	
15	168211995	TRẦN VĂN	HẢI	T16XDD1	10					5				6	6.6	Sầu pháp Sầu	
16	168211996	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀNG	T16XDD1	0					0				V	0.0	Khăng	
17	168211998	PHẠM VĂN	HẠNH	T16XDD1	10					7				8	8.2	Tằm pháp Hai	
18	168212000	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	T16XDD1	10					7				7	7.6	Báý pháp Sầu	
19	168212001	TRẦN XUÂN	HIẾU	T16XDD1	7					7				9	8.1	Tằm pháp Mất	
20	168212002	BÙI THANH	HÒA	T16XDD1	10					6				5	6.3	Sầu pháp Ba	
21	168212003	NGUYỄN VĂN	HÒA	T16XDD1	7					5				6	6.0	Sầu	
22	168212006	NGUYỄN QUỐC	HUY	T16XDD1	10					8				8	8.4	Tằm pháp Bầu	
23	168212007	NGUYỄN	KẾ	T16XDD1	10					7				7	7.6	Báý pháp Sầu	
24	168212008	TRẦN THANH	KHÁNG	T16XDD1	7					7				9	8.1	Tằm pháp Mất	
25	168212010	TRƯƠNG QUỐC	KHÁNH	T16XDD1	7					6				7	6.8	Sầu pháp Tằm	
26	168212011	ĐÌNH VĂN	KHOA	T16XDD1	10					8				7	7.9	Báý pháp Chên	
27	168212012	NGUYỄN LƯU ĐÌNH	KỶ	T16XDD1	10					8				7	7.9	Báý pháp Chên	
28	168212013	HỒ ĐẮC	LINH	T16XDD1	10					8				6	7.3	Báý pháp Ba	
29	168212014	NGUYỄN TÂN	LỰC	T16XDD1	10					7				7	7.6	Báý pháp Sầu	
30	168212015	BÙI VĂN	MINH	T16XDD1	7					9				7	7.5	Báý pháp Nằm	
31	168212016	LỮ TRỌNG	MINH	T16XDD1	10					4				8	7.4	Báý pháp Bầu	
32	168212017	PHẠM THANH	MUỖI	T16XDD1	7					3				7	6.0	Sầu	
33	168212018	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	MỸ	T16XDD1	7					3				2	0.0	Khăng	
34	168212019	PHẠM VĂN	NA	T16XDD1	0					0				V	0.0	Khăng	
35	168212020	DƯƠNG HỒNG	NAM	T16XDD1	10					8				7	7.9	Báý pháp Chên	
36	168212022	NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	T16XDD1	10					3				2	0.0	Khăng	
37	168212025	ĐẶNG VĂN	NHÂN	T16XDD1	10					7				7	7.6	Báý pháp Sầu	
38	168212051	LÊ THANH	TRỌNG	T16XDD1	10					7				5	6.5	Sầu pháp Nằm	
39	168222065	ĐẶNG QUỐC	BẢO	T16XDD1	10					7				5	6.5	Sầu pháp Nằm	
40	168222077	BÙI NGUYỄN HỒNG	HẢI	T16XDD1	10					6				5	6.3	Sầu pháp Ba	

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	168222091	BÙI NGUYỄN HỒNG	LINH	T16XDD1	7				4				7	6.3	Sầu pháy Ba		
42	168211999	NGUYỄN VĂN	HIỀN	T16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
43	168212009	NGUYỄN VĂN	KHANH	T16XDD2	10				6				5	6.3	Sầu pháy Ba		
44	168212021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	T16XDD2	10				7.5				7	7.7	Báy pháy Báy		
45	168212023	PHAN ĐÌNH	NHÂN	T16XDD2	10				6.5				5	6.4	Sầu pháy Bấu		
46	168212024	HỒ CÔNG	NHÂN	T16XDD2	10				7				4	6.0	Sầu		
47	168212026	NGÔ CÔNG	PHI	T16XDD2	10				7				5	6.5	Sầu pháy Năm		
48	168212027	LÊ MINH	PHÚ	T16XDD2	10				6				5	6.3	Sầu pháy Ba		
49	168212028	LÊ ANH	PHƯỚC	T16XDD2	10				3				1	0.0	Khăng		
50	168212029	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	T16XDD2	7				5				3	0.0	Khăng		
51	168212030	NGUYỄN HUY	PHƯƠNG	T16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
52	168212031	NGUYỄN MAI BẢO	PHƯƠNG	T16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
53	168212032	HUỲNH HOÀNG	QUỐC	T16XDD2	7				5				5	5.4	Nằm pháy Bấu		
54	168212033	VÕ MINH	QUỐC	T16XDD2	10				6				1	0.0	Khăng		
55	168212034	HÀ TÂN	QUỐC	T16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
56	168212035	ĐỖ PHÚ	QUÝ	T16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
57	168212036	TRƯƠNG NGUYỄN	SA	T16XDD2	10				5				8	7.7	Báy pháy Báy		
58	168212037	ĐẶNG VĂN	SĨ	T16XDD2	10				3				6	6.1	Sầu pháy Mấu		
59	168212038	NGUYỄN MINH	TÂM	T16XDD2	7				3				1	0.0	Khăng		
60	168212039	VÕ SỸ	TÂN	T16XDD2	7				3				5	4.9	Bấu pháy Chên		
61	168212040	VÕ VĂN	THẠCH	T16XDD2	10				4				6	6.3	Sầu pháy Ba		
62	168212041	ĐÌNH QUANG	THANH	T16XDD2	10				6.5				8	8.0	Tâm		
63	168212042	PHẠM TRUNG	THÀNH	T16XDD2	10				7.5				7	7.7	Báy pháy Báy		
64	168212043	TRẦN TÀI	THÀNH	T16XDD2	7				4				7	6.3	Sầu pháy Ba		
65	168212044	ĐẶNG TRUNG	THÀNH	T16XDD2	10				7.5				7	7.7	Báy pháy Báy		
66	168212045	LÊ PHÍ	THẠNH	T16XDD2	10				6.5				5	6.4	Sầu pháy Bấu		
67	168212046	BÙI QUỐC	THỌ	T16XDD2	10				6				3	0.0	Khăng		
68	168212047	NGUYỄN VĂN	THỐNG	T16XDD2	3.5				5				5	4.7	Bấu pháy Báy		
69	168212050	NGUYỄN CÔNG	TRỞI	T16XDD2	10				6				6	6.8	Sầu pháy Tâm		
70	168212052	NGUYỄN THANH	TRUNG	T16XDD2	10				7.5				6	7.2	Báy pháy Hai		
71	168212053	PHẠM MINH	TUẤN	T16XDD2	10				5				4	5.5	Nằm pháy Năm		
72	168212054	VĂN ĐÌNH	TUẤN	T16XDD2	10				6				7	7.4	Báy pháy Bấu		
73	168212055	NGUYỄN XUÂN	TY	T16XDD2	7				5				7	6.5	Sầu pháy Năm		
74	168212057	NGUYỄN ĐỨC	VINH	T16XDD2	10				6				5	6.3	Sầu pháy Ba		
75	168212058	PHẠM	VĨNH	T16XDD2	10				6.5				8	8.0	Tâm		
76	168212060	TRẦN QUANG	VŨ	T16XDD2	10				5				4	5.5	Nằm pháy Năm		
77	168212061	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	T16XDD2	7				5				8	7.1	Báy pháy Mấu		
78	168212062	LÊ THỊ	YẾN	T16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
79	168222100	NGUYỄN THANH	NGỌC	T16XDD2	10				7				7.5	7.9	Báy pháy Chên		
80	168222125	TRẦN GIANG	TUẤN	T16XDD2	10				6				5.5	6.5	Sầu pháy Năm		
81	168222129	NGUYỄN ĐÌNH	VINH	T16XDD2	10				6				7	7.4	Báy pháy Bấu		
1	0274	TRƯƠNG ANH	TÚ	T14XDD3	10				8				8	8.4	Tâm pháy Bấu		
2	4403	PHẠM QUỐC	ANH	K13XDD3	7				7				5	5.9	Nằm pháy Chên		

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				20				25				55	100		
3	0270	CHU NAM KHUÔNG	K12XDD1	7				7				5	5.9	Nằm pháp Chên	
	152210208	BÙI VĂN ĐỨC	T15XDD2	LÊN PHÒNG ĐÀO TẠO BỔ SUNG CHỨNG TỪ HỌC GHÉP GẤP											
	152210230	LÊ MINH HẢI	T15XDD2												

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	66	79%	
2	Số sinh viên nợ	18	21%	
TỔNG CỘNG :		84	100%	

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú